

Bản án số: 97/2018/HS-ST
Ngày: 06-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thảo.
2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh T, sinh năm 1984, sinh tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Ấp VH, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tr, sinh năm: 1965 và bà Phạm Thị G, sinh năm: 1964; có vợ: Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 2003, T bị Tòa án Quân sự khu vực 1 – Quân khu 7 xử phạt cảnh cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2005, T bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 08/01/2006.

Bị cáo bị tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 15/02/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Công T, sinh năm 1979, sinh tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Ấp TB, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Phan Văn N, sinh năm: 1953 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1964; có vợ: Trần Thị Ph, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2010.

Tiền án:

- Năm 2013, T bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 13 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 04/6/2014.

- Năm 2016, T bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 22 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 21/9/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1999, T bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 04 tháng 29 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”, trả tự do tại phiên Tòa.

- Năm 2005, T bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong ngày 01/9/2007.

Bị cáo bị tạm giữ chuyên tạm giam từ ngày 15/02/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TB, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Trung H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 4/300, ấp NT2, xã TTN huyện Hm, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên Tòa)

2. Ông Phan Văn N, sinh năm 1953

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TB, xã TLT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 13/02/2018, Phan Công T điều khiển xe máy biển số 59Y1-054.59 chở Phạm Thanh T đi đánh bạc ở xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi. Đến 16 giờ 30 phút ngày 13/02/2018, Phan Công T điều khiển xe máy biển số 59Y1-054.59 chở Phạm Thanh T về nhà, khi chạy đến bờ kênh N31A thuộc ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Phan Công T và Phạm Thanh T phát hiện có 01 xe máy biển số 59Y2-191.59 của ông Nguyễn Văn Sương để ở bờ kênh không người trông giữ, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. Phạm Thanh T bàn với Phan Công T chiếm đoạt xe trên bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Phan Công T chạy xe chậm lại, Phạm Thanh T bước xuống

xe đi bộ đến lấy trộm xe máy biển số 59Y2-191.59 tẩu thoát ra đường Tỉnh lộ 7. Phạm Thanh T điều khiển xe máy biển số 59Y2-191.59 qua Campuchia để bán chiếc xe máy này, bán được số tiền 4.000.000 đồng, Phạm Thanh T điện thoại cho Phan Công T nói sẽ chia cho Phan Công T số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 14/02/2018, Hội đồng định giá tài sản kết luận xe máy biển số 59Y2-191.59 có trị giá 7.000.000 đồng (BL 83-85)

Vật chứng thu giữ:

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 11.660.000 đồng, 01 điện thoại di động nokia 1010 màu trắng có số imei 356005081011164, 01 điện thoại di động nokia 1010 màu đen có số imei 357338087295930, 01 xe máy biển số 59Y1-05459 có số máy VMVTBA-D069079 và số khung RLGKA12GD-BD069079. (BL 3-4, 192)

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 4.000.000 đồng, hiện đã giao trả cho ông Sương (BL 3-4, 190, 192, 195).

- Riêng chiếc xe máy biển số 59Y2-191.59 không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn S yêu cầu bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, đã được T và T khắc phục xong (BL 185).

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị can Phạm Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Phan Công T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã đánh giá T chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi “Trộm cắp tài sản” của các bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thanh T với mức án tù 09 (chín) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Công T với mức án tù 03 (ba) năm tù đến 04(bốn) năm tù. Về xử lý vật chứng:

Đề nghị trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010, màu trắng, số Imei 356005081011164 và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 235.000đ. Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu đen, số Imei 357338087295930 và Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.425.000đ.

Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe gắn máy hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số: 59Y1-054.59, số máy VMVTBA-D069079, số khung: RLGKA12GD-BD069079.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đã ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thanh T và Phan Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 13/02/2018, bị cáo Phan Công T điều khiển xe máy biển số 59Y1-054.59 chở bị cáo Phạm Thanh T đi đánh bạc ở xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi. Đến 16 giờ 30 phút ngày 13/02/2018, bị cáo T điều khiển xe máy biển số 59Y1-054.59 chở bị cáo T về nhà, khi chạy đến bờ kênh N31A thuộc ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, bị cáo T và bị cáo T phát hiện có 01 xe máy biển số 59Y2-191.59 của ông Nguyễn Văn S để ở bờ kênh không người trông giữ, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. Bị cáo T bàn với bị cáo T lên lút chiếm đoạt chiếc xe trên bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo T đồng ý. Bị cáo T chạy xe chậm lại, bị cáo T bước xuống xe đi bộ đến chiếc xe, lợi dụng sự sơ hở của ông S đã lấy trộm xe máy biển số 59Y2-191.59 và tẩu thoát ra đường Tỉnh lộ 7. Bị cáo Phạm Thanh T điều khiển xe biển số 59Y2-191.59 qua Campuchia để bán chiếc xe máy này cho một người thanh niên không rõ lai lịch được số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo T điện thoại cho bị cáo T nói sẽ chia cho bị cáo T số tiền 2.000.000 đồng. Sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với các bị cáo.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Ngày 14/02/2018, Hội đồng định giá tài sản kết luận xe máy biển số 59Y2-191.59 có trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). (BL 83-85).

[4] Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thanh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Phan Công T do bị cáo T vào năm 2016 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội do cố ý, các bị cáo đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân đã xâm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo còn xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội. Các bị cáo Phạm Thanh T, Phan Công T có nhân thân xấu. Bị cáo T là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe gắn máy của ông S. Bị cáo Phan Công T có tiền án chưa được xóa án tích. Do đó, cần có mức hình phạt thật

ng nghiêm, áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét về tình tiết tăng nặng không có, về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả cho bị hại. Ngoài ra bị hại là ông Sương đã nhận xong tiền bồi thường của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Phạm Thanh T một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; và giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn S đã nhận xong tiền bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số: 59Y1-054.59, số máy VMVTBA-D069079, số khung: RLGKA12GD-BD069079 đã qua sử dụng do bị cáo T sử dụng để phạm tội, đồng thời Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm chủ sở hữu nhưng không có người nhận, nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010, màu trắng, số Imei 356005081011164 của bị cáo T, tại phiên tòa, bị cáo T khai đã sử dụng để liên lạc với bị cáo T đem xe đi bán; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 357338087295930 của bị cáo T, tại phiên tòa, bị cáo T khai đã sử dụng để liên lạc với bị cáo T trong việc đem xe đi bán. Vì vậy không có cơ sở trả lại 02 chiếc điện thoại cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi. Do đó, Hội đồng xét xử xét tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 02 chiếc điện thoại nêu trên.

- Đối với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 235.000đ (Hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T, đây là tiền cá nhân của bị cáo, xét thấy không liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T.

- Đối với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.425.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T, đây là tiền cá nhân của bị cáo, xét thấy không liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T.

- Đối với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thu giữ từ bị cáo T, xét đây là số tiền của cha bị cáo là ông Phan Văn N đưa bị cáo giữ giùm, xét thấy không liên quan đến vụ án, ông N có yêu cầu nhận lại tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xét trả lại số tiền này cho ông Phan Văn N là phù hợp.

Tang vật theo lệnh nhập kho vật chứng số 90, Phiếu nhập kho vật chứng ngày 22/02/2018 của Công an huyện Củ Chi.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo T và T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Phan Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù T kể từ ngày 15/02/2018.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Công T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù T kể từ ngày 15/02/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số: 59Y1-054.59, số máy VMVTBA-D069079, số khung: RLGKA12GD-BD069079 đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1010, màu trắng, số Imei 356005081011164; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1010, màu đen, số Imei 357338087295930.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh T tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 235.000đ (Hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

- Trả lại cho bị cáo Phan Công T tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.425.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

- Trả lại cho ông Phan Văn N tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tang vật theo lệnh nhập kho vật chứng số 90 và Phiếu nhập kho vật chứng ngày 22/02/2018 của Công an Huyện Củ Chi.

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật phí và lệ phí năm 2015, buộc bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Phan Công T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- PC.53;
- Nhà tạm giữ CA H.Củ Chi;
- Đội CSĐTTH CA H.Củ Chi;
- Chi cục Thuế H.Củ Chi;
- Sở Tư pháp TPHCM
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túy Phụng